

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại
của doanh nhân APEC theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg
ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ**

Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC theo Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 10 năm 2006, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

*Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC (sau đây viết tắt là Quy chế), sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Ngoại giao, Bộ Thương mại, Bộ Công an hướng dẫn việc thực hiện Quy chế như sau:*¹

¹ Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Nghị định số 65/2012/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 136/2007/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-TTg ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC;

Căn cứ Nghị định số 77/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục An ninh I,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi, bổ sung hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC.”

I. VỀ NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối với những người thuộc Điều 6 của Quy chế (sau đây gọi chung là doanh nhân Việt Nam):

a)² Thẻ đi lại của doanh nhân APEC (thẻ ABTC) cấp cho doanh nhân Việt Nam có hạn hiệu phổ thông còn thời hạn ít nhất 3 năm kể từ ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ. Thẻ ABTC có giá trị sử dụng trong 3 năm.

b) Doanh nhân Việt Nam mang thẻ ABTC còn giá trị được phép nhập cảnh nước và vùng lãnh thổ thành viên tham gia chương trình ABTC có tên trên thẻ, khi nhập xuất cảnh phải xuất trình hạn hiệu còn giá trị theo quy định của nước, vùng lãnh thổ thành viên đó.

c) Thẻ ABTC đã được doanh nhân thông báo mất sẽ bị hủy giá trị sử dụng và không được khôi phục (kể cả trường hợp tìm lại được thẻ). Nếu doanh nhân đó có nhu cầu tiếp tục sử dụng thẻ ABTC thì phải làm thủ tục đề nghị cấp thẻ mới.

2. Đối với doanh nhân các nước và vùng lãnh thổ thành viên (sau đây gọi là doanh nhân nước ngoài): nếu có hạn hiệu hợp lệ, mang thẻ ABTC còn giá trị, trên thẻ có tên nước đến là Việt Nam, thì được phép nhập cảnh, xuất cảnh qua các cửa khẩu quốc tế của Việt Nam.

II. VỀ VIỆC CẤP THẺ ABTC CHO DOANH NHÂN VIỆT NAM

1. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ ABTC cho doanh nhân Việt Nam nộp 01 bộ tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an³, gồm:

² Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hạn hiệu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

³ Cụm từ “Hồ sơ đề nghị cấp thẻ ABTC cho doanh nhân Việt Nam nộp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an” được thay thế bởi cụm từ “Hồ sơ đề nghị cấp thẻ ABTC cho doanh nhân Việt Nam nộp 01 bộ tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh, Bộ Công an” theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hạn hiệu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

a)⁴ 01 tờ khai đề nghị cấp, cấp lại thẻ ABTC mẫu X05 ban hành kèm theo Thông tư này, có xác nhận và giáp lai ảnh của Thủ trưởng doanh nghiệp hoặc cơ quan trực tiếp quản lý doanh nhân;

b)⁵ 02 ảnh cỡ 3cm x 4cm, mới chụp, phong nền màu trắng, đầu để trần, mặt nhìn thẳng, không đeo kính màu (01 ảnh dán vào tờ khai, 01 ảnh để rời).

c) Văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC của cấp có thẩm quyền, cụ thể:

- Văn bản của Thủ tướng Chính phủ nếu là doanh nhân do Thủ tướng bổ nhiệm chức vụ hoặc trực tiếp quản lý;

- Văn bản của Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ (hoặc cấp tương đương), nếu là doanh nhân do Thủ trưởng cơ quan cấp Bộ (hoặc cấp tương đương) bổ nhiệm chức vụ hoặc là doanh nhân làm việc tại doanh nghiệp do cơ quan cấp Bộ (hoặc cấp tương đương) ra quyết định thành lập hoặc trực tiếp quản lý;

- Văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nếu là doanh nhân do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm chức vụ hoặc là doanh nhân làm việc tại doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra quyết định thành lập hoặc trực tiếp quản lý.

d)⁶ Trường hợp người đề nghị cấp lại thẻ ABTC do hết hạn mà cơ quan, doanh nghiệp nơi người đó làm việc có văn bản xác nhận không thay đổi về chức danh và vị trí công tác so với lần đề nghị cấp thẻ trước đó thì không phải nộp văn bản mới của cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng thẻ ABTC.

2. Khi nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ ABTC, doanh nhân phải xuất trình hộ chiếu còn giá trị. Trường hợp cơ quan, doanh nghiệp cử cán bộ, nhân viên khác thay mặt doanh nhân nộp hồ sơ và nhận thẻ thì cán bộ, nhân viên đó phải xuất trình giấy

⁴ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

⁵ Tiết này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

⁶ Tiết này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

giới thiệu của cơ quan, doanh nghiệp, giấy chứng minh nhân dân của mình và hộ chiếu của người đề nghị cấp thẻ ABTC.

3. Trình tự, thời hạn xem xét cấp thẻ ABTC:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị cấp thẻ ABTC hợp lệ, Cục Quản lý xuất nhập cảnh trao đổi dữ liệu nhân sự của doanh nhân với cơ quan có thẩm quyền của các nước và vùng lãnh thổ thành viên.

b) Thời hạn các nước và vùng lãnh thổ thành viên xem xét, trả lời (đồng ý hay không đồng ý cấp thẻ) theo quy định của chương trình ABTC tối đa là 21 ngày, kể từ ngày Cục Quản lý xuất nhập cảnh trao đổi dữ liệu nhân sự với các nước và vùng lãnh thổ thành viên. Do đó, khi hết thời hạn 21 ngày, Cục Quản lý xuất nhập cảnh sẽ cấp thẻ ABTC cho doanh nhân, kể cả trường hợp chưa nhận được đủ ý kiến của các nước và vùng lãnh thổ thành viên.

c) Cục Quản lý xuất nhập cảnh có thể cấp thẻ ABTC trước khi hết thời hạn 21 ngày trong những trường hợp sau:

- Khi có ý kiến trả lời của tất cả các nước và vùng lãnh thổ thành viên;
- Khi có một số nước và vùng lãnh thổ thành viên trả lời đồng ý cấp thẻ, bản thân doanh nhân có văn bản đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp thẻ ABTC mà không chờ kết quả trả lời của tất cả các nước và vùng lãnh thổ thành viên.

4. Khi cấp thẻ ABTC, Cục Quản lý xuất nhập cảnh ghi lên thẻ tên các nước và vùng lãnh thổ thành viên đã trả lời đồng ý cấp thẻ cho doanh nhân.

III. VỀ VIỆC XEM XÉT NHÂN SỰ VÀ VIỆC NHẬP CẢNH, XUẤT CẢNH, CƯ TRÚ CỦA DOANH NHÂN NƯỚC NGOÀI

1. Doanh nhân nước ngoài đề nghị Việt Nam xem xét để được cấp thẻ ABTC phải được cơ quan có thẩm quyền của nước và vùng lãnh thổ thành viên mà doanh nhân đó là công dân trao đổi dữ liệu nhân sự của người đề nghị với Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an Việt Nam. Dữ liệu nhân sự gồm: họ và tên, giới tính, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, chức vụ hoặc nghề nghiệp, số hộ chiếu và ngày hộ chiếu hết hạn.

Doanh nhân là công dân của nước ngoài khỏi APEC hoặc tuy là công dân của nước, vùng lãnh thổ thành viên khỏi APEC nhưng chưa tham gia chương trình ABTC cũng được xem xét cấp thẻ nếu doanh nhân đó có thẻ thường trú tại Hồng Kông (Trung Quốc) còn giá trị. Trong trường hợp này, ngoài dữ liệu nhân sự nêu trên, doanh nhân đó còn phải cung cấp thêm số thẻ thường trú tại Hồng Kông.

2. Doanh nhân nước ngoài mang thẻ ABTC và hộ chiếu hợp lệ, khi nhập cảnh Việt Nam được cơ quan quản lý xuất nhập cảnh tại cửa khẩu quốc tế của Việt Nam cấp chứng nhận tạm trú với thời hạn 90 ngày cho mỗi lần nhập cảnh. Trường hợp hộ chiếu của doanh nhân nước ngoài còn giá trị dưới 120 ngày thì chứng nhận tạm

trú được cấp ngắn hơn thời hạn hộ chiếu 30 ngày. Trường hợp thời hạn của thẻ ABTC còn ngắn hơn 90 ngày thì thời hạn tạm trú được cấp bằng thời hạn của thẻ ABTC.

3. Doanh nhân nước ngoài bị mất thẻ ABTC ở Việt Nam thì trong thời hạn tạm trú mà cơ quan quản lý xuất nhập cảnh đã cấp, doanh nhân đó phải thông báo cho Cục Quản lý xuất nhập cảnh và cơ quan đại diện của nước, vùng lãnh thổ thành viên mà mình là công dân biết. Sau khi thông báo việc mất thẻ, doanh nhân đó được phép xuất cảnh ra khỏi lãnh thổ Việt Nam bằng hộ chiếu hợp lệ.

Trường hợp doanh nhân nước ngoài bị mất hộ chiếu và thẻ ABTC, thì ngoài việc thông báo theo quy định nêu trên, doanh nhân đó phải đề nghị cơ quan đại diện của nước, vùng lãnh thổ thành viên mà mình là công dân cấp lại hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu, sau đó làm thủ tục đề nghị Cục Quản lý xuất nhập cảnh cấp chứng nhận tạm trú để xuất trình với cơ quan quản lý xuất nhập cảnh ở cửa khẩu khi xuất cảnh.

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.⁷

BỘ CÔNG AN

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Số: 04/VBHN-BCA

Hà Nội, ngày 10 tháng 02 năm 2014

BỘ TRƯỞNG

Đại tướng Trần Đại Quang

⁷ Điều 3 và Điều 4 của Thông tư số 07/2013/TT-BCA ngày 30 tháng 01 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công an sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 27/2007/TT-BCA ngày 29 tháng 11 năm 2007 của Bộ Công an hướng dẫn việc cấp, sửa đổi hộ chiếu phổ thông ở trong nước và Thông tư số 10/2006/TT-BCA ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Quy chế cấp và quản lý thẻ đi lại của doanh nhân APEC quy định như sau:

“Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2013.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Các Tổng cục trưởng, Thủ trưởng đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc Công an, Giám đốc Sở Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Tổng cục An ninh I chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư, nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Tổng cục An ninh I) để có hướng dẫn kịp thời.”

Mẫu/Form X05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2013/TT-BCA
ngày 30 tháng 01 năm 2013)



TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ ABTC ⁽¹⁾
APPLICATION FOR ABTC

Ảnh 3x4 cm nền trắng, mới chụp, mắt nhìn thẳng, đầu để trần, đóng dấu giáp lai của doanh nghiệp/cơ quan quản lý ⁽²⁾

1. Họ và tên (viết chữ in hoa)..... 2. Nam, nữ:.....
Surname and given names of the Applicant (in capital letters) Sex: Male/Female
3. Sinh ngày.....tháng.....năm..... tại.....
Date of birth (Day/Month/Year) at
4. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Số nhà (xóm, thôn)..... đường phố.....
Permanent resident address: House number (Hamlet/village) Road/Street
phường (xã, thị trấn)..... quận (huyện, thị xã)..... tỉnh (thành phố).....
Ward (Commune/Town) District (Town) Province (city)
5. Hộ chiếu số.....Loại.....Cấp ngày...../...../..... Giá trị đến ngày...../...../.....
Passport number Type Date of issue (Day/Month/Year) Date of expiry (Day/Month/Year)
Cơ quan cấp.....
Issuing authority
6. Số điện thoại.....số fax.....Địa chỉ e-mail.....
Phone number Fax number E-mail
7. Tên, địa chỉ, số điện thoại doanh nghiệp/cơ quan ⁽³⁾.....
Name, address and phone number of the Applicant's Business/Organisation
8. Chức vụ hoặc nghề nghiệp ⁽³⁾.....
Position or occupation
9. Ngành nghề kinh doanh.....
Type of business
10. Thẻ ABTC được cấp lần gần nhất (nếu có) số..... Giá trị đến ngày...../...../.....
Issuance number of the granted ABTC card
11. Nội dung đề nghị cấp thẻ ABTC ⁽⁴⁾.....
Specified Requests for ABTC Issuance/Renewal
12. Đề nghị cấp thẻ ABTC đến nền kinh tế thành viên nào ⁽⁵⁾.....
To which participating economies is the requested ABTC Card valid for travel
trong đó ưu tiên (nếu có) ⁽⁶⁾.....
economies nominated as a priority
13. Văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC của cấp có thẩm quyền số..... ngày...../...../.....
Number of the approval letter on the ABTC Card eligibility the competent Authority Date (Day/Month/Year)
14. Nếu hết thời hạn 21 ngày mà chưa đủ số nền kinh tế thành viên trả lời thì ông/bà có xin lùi thời gian cấp thẻ ABTC không?
Do you request postponement of ABTC Card date of issuance in case answers from all participating economies are not received within 21 days?
Không Có Xin lùi đến ngày...../...../.....
No Yes Deadline (Day/Month/Year)

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời khai trên.
I will be fully responsible to the Law for all above statements.

Xác nhận

Thủ trưởng doanh nghiệp hoặc cơ quan trực tiếp quản lý
người đề nghị cấp thẻ xác nhận lời khai trên là đúng

Authentication by

Head of the Applicant's Business/organisation
Ngày (Date)... tháng (Month)... năm (Year)...
(Người xác nhận ký, ghi rõ họ tên, chức vụ đóng dấu)
(Signature, full name, position and stamp of the Authenticator)

Làm tại..... ngày...../...../.....
Done at Date (Day/Month/Year)

Người đề nghị ký, ghi rõ họ tên ⁽⁷⁾
Signature and full name of the Applicant

Chú thích:

- (1) Tờ khai này dùng trong trường hợp đề nghị cấp thẻ ABTC lần đầu hoặc cấp lại.
- (2) Dán 01 ảnh vào khung, 01 ảnh vào mặt sau tờ khai.
- (3) Kê khai bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Riêng mục 7 cần khai rõ loại hình doanh nghiệp như: công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty 100% vốn nước ngoài, công ty liên doanh, tập đoàn kinh tế hay doanh nghiệp tư nhân...
- (4) Nội dung đề nghị ghi cụ thể: cấp thẻ lần đầu, cấp lại thẻ do hết giá trị sử dụng, do mất, do hư hỏng, do thay đổi số hộ chiếu hoặc lý do khác nếu có.
- (5) Nếu đến tất cả các nền kinh tế thành viên thì ghi là "tất cả", nếu chỉ đến một vài nền kinh tế thành viên thì ghi rõ tên của nền kinh tế thành viên đó.
- (6) Ghi tối đa 5 nền kinh tế thành viên ưu tiên đến trước.
- (7) Người đề nghị cấp thẻ ký trong khung và ghi rõ họ tên ở phía dưới, ngoài khung.